

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 29 /2018/QĐ-UBND

Lạng Sơn, ngày 28 tháng 02 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Quy định quản lý nhà nước về Giá
trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Giá ngày 20/6/2012;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí ngày 25/11/2015;

Căn cứ Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá; Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11/11/2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá; Nghị định số 89/2013/NĐ-CP ngày 06/8/2013 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Giá về thẩm định giá;

Căn cứ Thông tư số 233/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28/4/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá; Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28/4/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013; Thông tư số 38/2014/TT-BTC ngày 28/3/2014 của Bộ Tài chính Quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 89/2013/NĐ-CP ngày 06/8/2013 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Giá về thẩm định giá; Thông tư số 80/2017/TT-BTC ngày 02/8/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc xác định giá trị quyền sử dụng đất, tiền thuê đất, tài sản gắn liền với đất được hoàn trả khi Nhà nước thu hồi đất và việc quản lý, sử dụng số tiền bồi thường tài sản do nhà nước giao quản lý sử dụng, số tiền hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất nhưng không được bồi thường về đất.

Căn cứ Thông tư số 36/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết phương pháp định giá đất; xây dựng, điều chỉnh giá đất; định giá đất cụ thể và tư vấn xác định giá đất; Quyết định số 1351/QĐ-

BTNMT 04/6/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc đình chính Thông tư số 36/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết phương pháp định giá đất; xây dựng, điều chỉnh giá đất; định giá đất cụ thể và tư vấn xác định giá đất;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 47/TTr-STC ngày 31/01/2018.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định quản lý Nhà nước về Giá trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 3 năm 2018 và thay thế Quyết định số 13/2015/QĐ-UBND ngày 09/3/2015 của UBND tỉnh về ban hành Quy định quản lý Nhà nước về Giá trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể thuộc tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; Giám đốc các doanh nghiệp, các đơn vị sự nghiệp công lập và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thực hiện Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Chính phủ;
- Cục kiểm tra VBQPPL (Bộ Tư pháp);
- Bộ Tài chính, Bộ TN& MT;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh;
- Tòa án nhân dân tỉnh;
- Công báo tỉnh; Báo Lạng Sơn;
- Các PVP, các phòng CV;
- Lưu: VT, KTTH.

Phạm Ngọc Thương

QUY ĐỊNH

Quản lý Nhà nước về Giá trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn.

(Ban hành kèm theo Quyết định số 29/2018/QĐ-UBND
ngày 28 tháng 02 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn)

Chương 1

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy định này nhằm cụ thể hóa các văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan Nhà nước cấp trên về nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân các cấp; các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh trong lĩnh vực quản lý nhà nước về giá; quyết định các biện pháp bình ổn giá theo thẩm quyền; quyền hạn và trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong việc lập, trình, thẩm định phương án giá, quyết định giá; hoạt động thẩm định giá của cơ quan nhà nước và chi phí phục vụ hoạt động thẩm định giá; hồ sơ và thủ tục hiệp thương giá; kiểm tra các yếu tố hình thành giá; biểu mẫu và thủ tục đăng ký giá, kê khai giá hàng hóa, dịch vụ thực hiện bình ổn giá theo quy định tại Luật Giá và Điều 24 Luật Phí và lệ phí.

2. Đối tượng áp dụng:

a) Tổ chức, cá nhân sản xuất kinh doanh; người tiêu dùng; cơ quan nhà nước; tổ chức cá nhân khác có liên quan đến hoạt động trong lĩnh vực giá trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn.

b) Trường hợp điều ước Quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên có quy định khác với quy định của Luật này thì áp dụng quy định của điều ước Quốc tế đó.

Điều 2. Nguyên tắc quản lý giá

1. Nhà nước thực hiện quản lý giá theo cơ chế thị trường; tôn trọng quyền tự định giá, cạnh tranh về giá của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh theo đúng quy định của pháp luật.

2. Nhà nước thực hiện điều tiết giá theo quy định Luật Giá để bình ổn giá; bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh, người tiêu dùng và lợi ích của nhà nước.

3. Nhà nước có chính sách về giá nhằm hỗ trợ khu vực có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, khu vực có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

4. Nhà nước quy định nguyên tắc, phương pháp xác định giá đối với hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá phù hợp với nguyên tắc của nền kinh tế thị trường.

Điều 3. Nội dung quản lý nhà nước về giá

1. Ban hành các văn bản quy phạm pháp luật về giá theo thẩm quyền và bãi bỏ văn bản không phù hợp hoặc không đúng thẩm quyền.

2. Tổ chức chỉ đạo, triển khai thực hiện các quy định quản lý Nhà nước về giá do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng các bộ, ngành trung ương để áp dụng tại địa phương.

3. Thu thập, tổng hợp, phân tích và dự báo giá thị trường tại địa phương để xây dựng cơ sở dữ liệu về giá phục vụ quản lý nhà nước trong lĩnh vực giá.

4. Tổ chức thực hiện công tác bình ổn giá trên địa bàn địa phương; chủ động thực hiện chương trình bình ổn thị trường phù hợp với tình hình thực tế địa phương theo thẩm quyền quy định.

5. Quyết định giá tài sản, hàng hóa, dịch vụ theo phân cấp của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ Tài chính và các Bộ có liên quan.

6. Tổ chức hiệp thương giá theo thẩm quyền quy định.

7. Kiểm tra yếu tố hình thành giá đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc Danh mục hàng hóa, dịch vụ thực hiện bình ổn giá của tổ chức, cá nhân trên địa bàn; hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh; hàng hóa, dịch vụ khác khi có biến động bất thường.

8. Tiếp nhận Biểu mẫu đăng ký giá hàng hóa, dịch vụ thực hiện bình ổn giá của các tổ chức cá nhân theo quy định; tiếp nhận văn bản kê khai giá hàng hóa, dịch vụ thuộc diện kê khai giá tại địa phương; Niêm yết giá; xây dựng cơ sở dữ liệu về giá.

9. Thực hiện hoạt động thẩm định giá của cơ quan nhà nước và chi phí phục vụ hoạt động thẩm định giá.

10. Kiểm tra, thanh tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về giá và quy định khác của pháp luật có liên quan tại địa phương; giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý các vi phạm pháp luật về giá theo thẩm quyền.

Chương 2

NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 4. Thẩm quyền quản lý nhà nước về giá của Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Ban hành văn bản quy phạm pháp luật về giá theo thẩm quyền.

2. Tổ chức chỉ đạo thực hiện chính sách, biện pháp, quyết định về giá hàng hóa, dịch vụ của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ Tài chính và các Bộ quản lý chuyên ngành.

3. Định giá hàng hóa, dịch vụ và điều chỉnh mức giá theo thẩm quyền quy định tại Điều 5 Quy định này.

4. Tổ chức thực hiện các chương trình bình ổn thị trường phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương; căn cứ vào tình hình thực tế tại địa phương quyết định áp dụng các biện pháp bình ổn giá theo thẩm quyền trong trường hợp thiên tai, hỏa hoạn, dịch bệnh, tai nạn bất ngờ.

5. Quy định hàng hóa, dịch vụ đặc thù thực hiện kê khai giá tại địa phương; Thông báo tổ chức, cá nhân sản xuất kinh doanh thực hiện đăng ký giá, kê khai giá ở địa phương.

6. Thực hiện quản lý nhà nước về hoạt động thẩm định giá thuộc phạm vi quản lý của địa phương; Phân công và tổ chức thực hiện thẩm định giá tài sản nhà nước quy định tại Khoản 2 Điều 31 và Điều 44 của Luật giá thuộc địa phương quản lý theo quy định về phân cấp quản lý, sử dụng tài sản nhà nước, phân cấp quản lý ngân sách và quy định của pháp luật có liên quan.

7. Chỉ đạo công tác thanh tra, kiểm tra các tổ chức, cá nhân hoạt động sản xuất kinh doanh trên địa bàn tỉnh thực hiện chấp hành các quy định của Nhà nước về quản lý giá; xử lý vi phạm trong lĩnh vực giá theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Thẩm quyền Quyết định giá của Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Quy định giá về các loại đất trên địa bàn tỉnh:

a) Quyết định ban hành bảng giá đất tại địa phương định kỳ 05 năm một lần và công bố công khai vào ngày 01/01 của năm đầu kỳ làm căn cứ để phục vụ các mục đích theo quy định của pháp luật.

b) Giá đất ở, giá đất các dự án, giá đất Tái định cư: Khu tái định cư, Khu đô thị mới; giá đất cụ thể để tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất theo quy định của Luật Đất đai đối với từng thửa đất (từng dự án); giá đất cụ thể để xác định đơn giá thuê đất, mặt nước.

c) Giá đất cụ thể áp dụng thực hiện sử dụng làm căn cứ trong các trường hợp sau:

- Tính tiền sử dụng đất khi Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân đối với phần diện tích đất ở vượt hạn mức; cho phép chuyển mục đích sử dụng đất từ đất nông nghiệp, đất phi nông nghiệp không phải là đất ở sang đất ở đối với phần diện tích vượt hạn mức giao đất ở cho hộ gia đình, cá nhân. Tính tiền thuê đất đối với đất nông nghiệp vượt hạn mức giao đất, vượt hạn mức nhận chuyển quyền sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân.

- Tính tiền sử dụng đất khi Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất đối với thửa đất hoặc khu đất (tính theo



giá đất trong bảng giá đất) có giá trị trên 10 tỷ đồng; công nhận quyền sử dụng đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất đối với tổ chức mà phải nộp tiền sử dụng đất; phương án cân đối tài chính đối với các dự án đầu tư bằng hình thức PPP.

- Tính tiền thuê đất đối với trường hợp Nhà nước cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất.

- Tính giá trị quyền sử dụng đất khi cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước mà doanh nghiệp cổ phần sử dụng đất thuộc trường hợp Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất, cho thuê đất trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê; tính tiền thuê đất đối với trường hợp doanh nghiệp nhà nước cổ phần hóa được Nhà nước cho thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm.

d) Giá khởi điểm làm căn cứ thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất để giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất hàng năm.

2. Mức tỷ lệ phần trăm (%) để xác định đơn giá cho thuê đất, thuê mặt nước.

3. Giá rừng bao gồm rừng sản xuất, rừng phòng hộ và rừng đặc dụng thuộc sở hữu toàn dân do Nhà nước làm đại diện chủ sở hữu.

4. Giá cho thuê, thuê mua nhà ở xã hội, nhà ở công vụ được đầu tư xây dựng từ ngân sách nhà nước; giá bán hoặc giá cho thuê nhà ở thuộc sở hữu nhà nước theo quy định của pháp luật về nhà ở.

5. Giá nước sạch sinh hoạt.

6. Giá cho thuê tài sản Nhà nước là công trình kết cấu hạ tầng đầu tư từ nguồn ngân sách địa phương.

7. Giá sản phẩm, dịch vụ công ích, dịch vụ sự nghiệp công và hàng hóa, dịch vụ được địa phương đặt hàng, giao kế hoạch sản xuất, kinh doanh sử dụng ngân sách địa phương theo quy định của pháp luật:

a) Giá báo cơ quan của Đảng bộ Đảng Cộng sản Việt Nam tỉnh Lạng Sơn (Báo Lạng Sơn); Công báo Lạng Sơn; Tạp chí Xứ Lạng.

b) Mức trợ giá, trợ cước vận chuyển hành khách bằng xe buýt.

8. Giá cụ thể đối với: Sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi do địa phương quản lý; dịch vụ đo đạc, lập bản đồ địa chính trong trường hợp cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao đất, cho thuê đất mới hoặc cho phép thực hiện việc chuyển mục đích sử dụng đất những nơi chưa có bản đồ địa chính có tọa độ; dịch vụ sử dụng diện tích bán hàng tại chợ; dịch vụ trông giữ xe được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước; dịch vụ vệ sinh môi trường; dịch vụ sử dụng đường bộ (công trình BOT do địa phương quyết định đầu tư).

9. Giá tối đa đối với: Dịch vụ sử dụng đường bộ do địa phương quản lý các dự án đầu tư xây dựng đường bộ để kinh doanh; dịch vụ sử dụng diện tích bán hàng tại chợ, dịch vụ trông giữ xe được đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước; dịch vụ xử

lý chất thải rắn sinh hoạt sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước; dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước.

10. Mức trợ giá, trợ cước vận chuyển hàng hóa thuộc danh mục được trợ giá, trợ cước vận chuyển chi từ ngân sách địa phương và trung ương; mức giá hoặc khung giá bán lẻ hàng hóa được trợ giá, trợ cước vận chuyển; giá cước vận chuyển cung ứng hàng hóa, dịch vụ thiết yếu thuộc danh mục được trợ giá phục vụ đồng bào miền núi, vùng sâu, vùng xa.

11. Quyết định phê duyệt Đơn giá nạo vét hệ thống thoát nước trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn.

12. Quyết định giá dịch vụ thoát nước.

13. Quyết định giá tính thuế tài nguyên.

14. Quyết định giá thuyền, giá máy móc thiết bị khác để tính lệ phí trước bạ.

15. Quyết định giá nhà để tính lệ phí trước bạ, xác định giá trị tài sản là nhà.

16. Đơn giá đo đạc địa chính, đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, lập hồ sơ địa chính, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất; đơn giá xây dựng cơ sở dữ liệu địa chính; đơn giá thống kê, kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất; đơn giá lập và điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

17. Đơn giá xây dựng mới nhà, công trình và vật kiến trúc áp dụng trong công tác bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất; đơn giá bồi thường cây trồng, vật nuôi.

18. Quyết định cụ thể về mức thu phí và lệ phí; giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước (trừ dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế theo quy định của pháp luật về bảo hiểm y tế); giá dịch vụ giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông công lập (học phí) thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh.

19. Giá cước vận chuyển hàng hoá bằng ô tô làm căn cứ để phục vụ các mục đích sau:

a) Thanh toán chi ngân sách Nhà nước trong việc thực hiện các dịch vụ công ích theo đơn đặt hàng của Nhà nước.

b) Xác định giá để xây dựng kế hoạch đấu thầu khi thực hiện cơ chế đấu thầu cung ứng các dịch vụ công ích.

20. Xác định giá tài sản của phía Việt Nam đưa vào góp vốn liên doanh với nước ngoài trong các doanh nghiệp thuộc tình quản lý theo hướng dẫn của Bộ, ngành Trung ương.

21. Xác định giá trị tài sản, vốn của doanh nghiệp Nhà nước do tỉnh quản lý khi phá sản, bán khoán, cho thuê, cổ phần hóa.

22. Xác định giá khởi điểm tài sản công để thực hiện bán đấu giá, gồm:

a) Tài sản là trụ sở làm việc, tài sản gắn liền với đất (bao gồm cả giá trị quyền sử dụng đất) tại các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp (gọi chung là cơ quan, tổ chức, đơn vị).

b) Tài sản là nhà, đất thuộc sở hữu nhà nước của các cơ quan, tổ chức, đơn vị và doanh nghiệp thuộc đối tượng sắp xếp lại, xử lý nhà, đất thuộc sở hữu nhà nước, di rời cơ sở gây ô nhiễm môi trường, di rời theo quy hoạch xây dựng đô thị.

c) Tài sản tổ chức tiếp nhận, quản lý, tài sản không xác định được chủ sở hữu, tài sản bị chôn giấu, bị chìm đắm được phát hiện hoặc tìm thấy.

23. Giá dịch vụ xe ra, vào bến xe ô tô, bãi đỗ xe và địa điểm tập kết hàng hóa tại khu vực cửa khẩu.

24. Công bố giá nhân công, giá ca máy và thiết bị thi công phổ biến theo phương pháp do Bộ Xây dựng hướng dẫn và công bố giá nhân công xây dựng trên địa bàn tỉnh làm cơ sở tham khảo cho việc lập đơn giá xây dựng công trình.

25. Quyết định về việc trả lại giá trị còn lại của tài sản gắn liền với đất khi UBND tỉnh thu hồi đất do: Người sử dụng đất vi phạm pháp luật về đất đai tại điểm c và điểm g khoản 1 Điều 64 Luật Đất đai; Người sử dụng đất tự nguyện trả lại đất quy định tại điểm c khoản 1 Điều 65 Luật Đất đai.

26. Quyết định số tiền thuê đất trả trước còn lại để hoàn trả cho tổ chức sử dụng đất khi Nhà nước thu hồi đất trong trường hợp người sử dụng đất được Nhà nước cho thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm nhưng đã trả tiền thuê đất nhiều năm.

27. Giá hàng hóa, dịch vụ khác theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

Điều 6. Biện pháp bình ổn giá thuộc thẩm quyền UBND tỉnh

1. Tổ chức triển khai thực hiện biện pháp bình ổn giá do Chính phủ quyết định và hướng dẫn của Bộ Tài chính, các Bộ quản lý ngành liên quan; chủ động thực hiện chương trình bình ổn thị trường phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương.

2. Trong trường hợp thiên tai, hỏa hoạn, dịch bệnh, tai nạn bất ngờ, căn cứ tình hình thực tế tại địa phương, Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định các biện pháp áp dụng bình ổn giá theo thẩm quyền như sau:

a) Điều hòa cung cầu một số hàng hóa, dịch vụ thiết yếu trên địa bàn.

b) Các biện pháp tài chính, tiền tệ phù hợp với quy định của pháp luật.

c) Đăng ký giá đối với hàng hóa dịch vụ thuộc diện bình ổn giá theo quy định.

d) Kiểm tra yếu tố hình thành giá, kiểm soát hàng hóa tồn kho, kiểm tra số lượng, khối lượng hàng hóa hiện có trên địa bàn;

e) Áp dụng biện pháp hỗ trợ về giá phù hợp với quy định của pháp luật và các cam kết quốc tế.

f) Định giá cụ thể, giá tối đa, giá tối thiểu hoặc khung giá hàng hóa dịch vụ thiết yếu để phục vụ sản xuất tiêu dùng.

3. Danh mục hàng hóa, dịch vụ thực hiện bình ổn giá theo quy định tại Điều 15 Luật Giá, Điều 3 Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 và Khoản 2 Điều 1 Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11/11/2016 của Chính phủ.

Điều 7. Đăng ký giá

1. Hàng hóa, dịch vụ đăng ký giá thực hiện theo quy định tại khoản 1, Điều 3 Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ và Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28/4/2014 của Bộ Tài chính.

2. Cơ quan tiếp nhận và đối tượng thực hiện đăng ký giá:

a) Sở Tài chính tiếp nhận, rà soát Biểu mẫu đăng ký giá hàng hóa, dịch vụ quy định tại điểm a, b, c, d, đ, e, g, i, k khoản 1 Điều 3 Nghị định số 177/2013/NĐ-CP của các tổ chức, cá nhân (bao gồm cả các đại lý có quyền quyết định giá, điều chỉnh giá) có trụ sở chính trên địa bàn tỉnh mà không có tên trong danh sách thực hiện đăng ký giá tại Bộ Tài chính (Cục Quản lý giá), không có tên trong văn bản hướng dẫn riêng về việc đăng ký giá của liên Bộ Tài chính và Bộ quản lý chuyên ngành hoặc hướng dẫn của Bộ quản lý chuyên ngành theo thẩm quyền;

b) Sở Công thương tiếp nhận, rà soát Biểu mẫu đăng ký giá mặt hàng sữa dành cho trẻ em dưới 6 tuổi.

c) Sở Y tế tiếp nhận Biểu mẫu đăng ký giá mặt hàng thuốc phòng bệnh, chữa bệnh cho người thuộc danh mục thuốc chữa bệnh thiết yếu sử dụng tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Y tế.

d) Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố thực hiện tiếp nhận thông báo của các tổ chức, cá nhân là chi nhánh, đại lý tại địa phương không có quyền quyết định giá, điều chỉnh giá (ký hợp đồng phân phối trực tiếp với nhà cung cấp và mua bán hàng hóa, dịch vụ theo giá do nhà cung cấp quyết định) không phải đăng ký giá, nhưng có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản gửi Ủy ban nhân dân cấp huyện, thành phố sau khi nhận thông báo hoặc quyết định điều chỉnh giá của nhà cung cấp và phải chịu trách nhiệm về tính chính xác của việc cung cấp thông tin.

3. Cách thức thực hiện đăng ký giá; quy trình tiếp nhận, rà soát Biểu mẫu đăng ký giá:

a) Cách thức thực hiện đăng ký giá: Thực hiện theo quy định tại Điều 5 Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28/4/2014 của Bộ Tài chính.

Đối với mặt hàng thuốc phòng bệnh, chữa bệnh cho người thuộc danh mục thuốc chữa bệnh thiết yếu sử dụng tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh, thực hiện đăng ký giá theo hướng dẫn của Bộ Y tế.

b) Quy trình tiếp nhận, rà soát Biểu mẫu đăng ký giá: Thực hiện theo quy định tại Điều 6 Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28/4/2014 của Bộ Tài chính.

Điều 8. kê khai giá; Niêm yết giá

1. Hàng hóa, dịch vụ thuộc diện kê khai giá quy định tại khoản 9, Điều 1 Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11/11/2016 của Chính phủ.

2. Hàng hóa, dịch vụ đặc thù thuộc diện kê khai giá quy định tại địa phương:

- a) Đá xây dựng các loại;
- b) Gạch xây dựng: gạch đặc, gạch lỗ;
- c) Giá dịch vụ bốc xếp hàng hóa tại khu vực cửa khẩu;
- d) Cước vận chuyển hành khách: xe buýt; xe điện tại cửa khẩu.

3. Cơ quan tiếp nhận và đối tượng thực hiện kê khai giá:

a) Sở quản lý ngành cùng với Sở Tài chính là cơ quan tiếp nhận văn bản kê khai giá hàng hóa, dịch vụ quy định tại khoản 10 Điều 1 Nghị định số 149/2016/NĐ-CP của Chính phủ trong thời gian Nhà nước không áp dụng biện pháp đăng ký giá để bình ổn giá; hàng hóa; dịch vụ quy định tại điểm b, c, d, đ, h, i, o khoản 9 Điều 1 Nghị định số 149/2016/NĐ-CP; hàng hóa dịch vụ đặc thù thực hiện kê khai giá tại địa phương theo quy định tại khoản 2 Điều này của các tổ chức, cá nhân (bao gồm cả các đại lý có quyền quyết định giá, điều chỉnh giá) có trụ sở chính trên địa bàn tỉnh mà không có tên trong danh sách thực hiện kê khai giá tại Bộ Tài chính (Cục Quản lý giá), không có tên trong văn bản hướng dẫn riêng về việc kê khai giá của liên Bộ Tài chính và Bộ quản lý chuyên ngành hoặc hướng dẫn của Bộ quản lý chuyên ngành theo thẩm quyền;

b) Sở Công thương tiếp nhận văn bản kê khai giá thực phẩm chức năng cho trẻ em dưới 6 tuổi theo quy định của Bộ Y tế.

c) Sở Giao thông tiếp nhận văn bản kê khai giá cước vận tải hành khách tuyến cố định bằng đường bộ; cước vận tải hành khách bằng taxi.

d) Sở Y tế tiếp nhận văn bản kê khai giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh cho người tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tư nhân; khám bệnh, chữa bệnh theo yêu cầu tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước theo hướng dẫn của Bộ Y tế;

đ) Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố tiếp nhận thông báo của các tổ chức, cá nhân là chi nhánh, đại lý tại địa phương không có quyền quyết định giá, điều chỉnh giá (ký hợp đồng phân phối trực tiếp với nhà cung cấp và mua bán hàng hóa, dịch vụ theo giá do nhà cung cấp quyết định) không phải kê khai giá, nhưng có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản gửi Ủy ban nhân dân cấp huyện, thành phố sau khi nhận thông báo hoặc quyết định điều chỉnh giá của nhà cung cấp và phải chịu trách nhiệm về tính chính xác của việc cung cấp thông tin.

4. Cách thức thực hiện kê khai giá; quy trình tiếp nhận, rà soát văn bản kê khai giá:

a) Cách thức thực hiện kê khai giá: Thực hiện theo quy định tại Điều 15 Thông tư số 233/2016/TT/BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính.

b) Quy trình tiếp nhận, rà soát Văn bản kê khai giá: thực hiện theo quy định tại điều 16 Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28/4/2014 của Bộ Tài chính.

5. Niêm yết giá:

a) Địa điểm thực hiện niêm yết giá:

Cơ sở sản xuất, kinh doanh (có quầy giao dịch và bán sản phẩm).

Siêu thị, trung tâm thương mại, chợ theo quy định của pháp luật, cửa hàng, cửa siêu thị, ki ốt quầy hàng, nơi giao dịch thực hiện việc bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ; Hội chợ triển lãm có bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ; Các địa điểm khác theo quy định của pháp luật.

b) Mọi tổ chức, cá nhân sản xuất kinh doanh thực hiện "Niêm yết giá" theo hình thức thích hợp, rõ ràng không gây nhầm lẫn cho khách hàng về mức giá mua, giá bán hàng hóa, dịch vụ bằng cách in, dán, ghi giá trên bảng, trên giấy hoặc trên bao bì hàng hóa hoặc bằng hình thức khác tại nơi giao dịch hoặc nơi chào bán hàng hóa, dịch vụ để thuận tiện cho việc quan sát, nhận biết của khách hàng, cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Đối với hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá thì tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh phải niêm yết đúng giá do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định và mua bán, đúng giá niêm yết. Đối với hàng hóa, dịch vụ không thuộc Danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá thì niêm yết theo giá do tổ chức, cá nhân sản xuất kinh doanh tự quyết định và không được bán cao hơn hoặc thấp hơn giá niêm yết.

c) Tiền niêm yết giá là Đồng Việt Nam. Trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

d) Giá niêm yết là giá hàng hóa, dịch vụ đã bao gồm các loại thuế, phí, lệ phí (nếu có) của hàng hóa, dịch vụ đó.

Điều 9. Thẩm định giá của Nhà nước

1. Tài sản mà Nhà nước phải thẩm định giá theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản và quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện thẩm định tài sản theo yêu cầu hoặc đề nghị (sau đây gọi chung là yêu cầu) bằng văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao mua, bán, thanh lý, cho thuê, đi thuê tài sản nhà nước trong các trường hợp quy định tại Khoản 2, Điều 31 và Điều 44 của Luật giá.

3. Trình tự, thủ tục thẩm định giá của nhà nước thực hiện theo Mục 4 Chương II Nghị định số 89/2013/NĐ-CP và hướng dẫn tại Thông tư số 38/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính.

Điều 10. Nhiệm vụ và quyền hạn của Sở Tài chính

1. Tham mưu, đề xuất cho Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện công tác quản lý Nhà nước về giá trên địa bàn; triển khai thực hiện các chủ trương chính sách quản lý nhà nước về giá theo chỉ đạo của cơ quan Trung ương và Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Tổ chức công tác thông tin và dự báo về giá cả thị trường, xử lý thông tin về giá để phục vụ sự chỉ đạo và điều hành của Ủy ban nhân dân tỉnh và cơ quan Trung ương; thu thập, phân tích thông tin, báo cáo giá cả thị trường tại địa phương thực hiện theo danh mục, hình thức báo cáo theo quy định của Bộ Tài chính.

3. Thực hiện thẩm định giá tài sản nhà nước:

a) Tiếp nhận yêu cầu định giá tài sản và thực hiện thẩm định giá tài sản nhà nước theo Điều 24, Điều 25 quy định của Nghị định số 89/2013/NĐ-CP ngày 06/8/2013 của Chính phủ;

b) Thành lập Hội đồng thẩm định giá tài sản theo Điều 28 của Nghị định số 89/2013/NĐ-CP ngày 06/8/2013 của Chính phủ.

4. Chủ trì phối hợp với các cơ quan chức năng liên quan tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định các biện pháp áp dụng bình ổn giá theo thẩm quyền và bổ sung một số hàng hóa, dịch vụ đặc thù thực hiện kê khai giá tại địa phương.

5. Thẩm định trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt và điều chỉnh mức giá tài sản, hàng hoá, dịch vụ tại Điều 5 Quy định này.

6. Quyết định đối với giá hàng hóa, dịch vụ: Lắp đặt đồng hồ đo nước, đồng hồ đo điện; giá dịch vụ thông tin quảng cáo Phát thanh - Truyền hình; đơn giá chiếu bóng địa phương; giá thanh toán đối với xuất bản phẩm đặt hàng do địa phương sản xuất; giá dịch vụ, giá cho thuê tài sản của đơn vị sự nghiệp có thu; giá các loại dịch vụ khác theo đề nghị của các đơn vị, tổ chức, cá nhân.

7. Chủ trì phối hợp với các cơ quan chức năng liên quan và UBND các huyện, thành phố thẩm định phương án giá đất cụ thể đối với từng thửa đất (từng dự án); xác định giá khởi điểm để đấu giá quyền sử dụng đất thuê; xác định giá trị quyền sử dụng đất thuê, giá trị lợi thế thương mại để tính vào giá trị doanh nghiệp khi cổ phần hóa trình UBND tỉnh phê duyệt.

8. Chủ trì, phối hợp với cơ quan chức năng liên quan thực hiện công tác định giá tài sản trong tổ tụng hình sự.

9. Phối hợp với cơ quan chức năng liên quan thực hiện công tác định giá khởi điểm tài sản là tang vật, phương tiện có quyết định xử lý tịch thu sung quỹ nhà nước do vi phạm hành chính; định giá tài sản để thi hành án theo quy định của pháp luật về thi hành án.

10. Định giá tài sản xác lập quyền sở hữu Nhà nước; định giá bán (hoặc điều chuyển) các loại tài sản, hàng hoá, vật tư, máy móc thiết bị, phương tiện vận tải của các đơn vị hành chính sự nghiệp, các doanh nghiệp Nhà nước và của các dự án trên địa bàn tỉnh khi được cấp có thẩm quyền cho phép hoặc đề nghị của đơn vị theo quy định hiện hành.

11. Định giá tài sản, hàng hoá, vật tư, máy móc thiết bị, phương tiện vận tải do các tổ chức trong nước, nước ngoài, các dự án viện trợ cho các cơ quan, đoàn



thể, doanh nghiệp Nhà nước khi được Ủy ban nhân dân tỉnh cho phép điều chuyển, đưa vào sản xuất, đưa vào quỹ phúc lợi, khấu hao tài sản cố định.

12. Chủ trì phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan thực hiện kiểm tra các yếu tố hình thành giá đối với hàng hoá, dịch vụ thuộc thẩm quyền định giá của Ủy ban nhân dân tỉnh; hàng hoá, dịch vụ thực hiện bình ổn giá của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh trên địa bàn theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh.

13. Chủ trì tổ chức hiệp thương giá theo quy định tại Khoản 2, Điều 24 của Luật Giá.

14. Tổ chức thanh tra, kiểm tra giá đối với các tổ chức, cá nhân sản xuất kinh doanh trên địa bàn tỉnh, xử lý các vi phạm pháp luật về giá theo quy định hiện hành.

15. Tổng hợp ban hành thông báo giá khởi điểm tài sản là tang vật, phương tiện có quyết định xử lý tịch thu sung quỹ Nhà nước do vi phạm hành chính trên địa bàn tỉnh.

16. Tiếp nhận rà soát Biểu mẫu đăng ký giá, kê khai giá, Văn bản kê khai giá đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc danh sách đăng ký giá, kê khai giá theo quy định tại khoản 2, Điều 4 và khoản 2 Điều 14 của Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28/4/2014 của Bộ Tài chính.

17. Chủ trì, phối hợp với các ngành liên quan tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh thông báo các tổ chức cá nhân đăng ký giá, kê khai giá trên địa bàn địa phương; Định kỳ vào ngày 01 tháng 7 hàng năm chủ trì phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Cục Thuế và các cơ quan chuyên môn tham mưu cho UBND tỉnh rà soát, điều chỉnh danh sách tổ chức, cá nhân đăng ký giá, kê khai giá tại địa phương.

18. Chủ trì thẩm định đơn giá nạo vét hệ thống thoát nước và giá dịch vụ thoát nước trên địa bàn tỉnh.

19. Chủ trì phối hợp với các cơ quan liên quan thành lập Hội đồng để xác định giá trị còn lại của tài sản gắn với liền với đất hoặc thuê tổ chức thẩm định xác định giá trị còn lại của tài sản gắn liền với đất chủ trì phối hợp với cơ quan liên quan trình UBND tỉnh theo quy định tại Điều 3, Điều 4 Thông tư số 80/2017/TT-BTC của Bộ Tài chính.

20. Chủ trì, phối hợp với cơ quan liên quan thành lập hội đồng để xác định giá trị tiền thuê đất đã trả trước còn lại theo quy định tại Điều 5 Thông tư số 80/2017/TT-BTC của Bộ Tài chính.

21. Xây dựng nội dung cơ sở dữ liệu về giá theo khoản 11 Điều 1 Nghị định số 149/2016/NĐ-CP của Chính phủ.

Điều 11. Nhiệm vụ và quyền hạn của các sở, ban, ngành và đơn vị trực thuộc tỉnh

1. Tổ chức triển khai thực hiện các chủ trương, chính sách quản lý nhà nước về giá; phối hợp với Sở Tài chính tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định các biện pháp bình ổn giá theo thẩm quyền và thực hiện, triển khai, hướng dẫn,

kiểm tra các cơ quan, tổ chức, cá nhân trên địa bàn địa phương trong việc thực hiện các biện pháp bình ổn giá do Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

2. Lập Hồ sơ phương án giá hàng hóa, dịch vụ quy định tại Điều 5 của Quy định này theo Điều 9 của Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28/4/2014 của Bộ Tài chính gửi Sở Tài chính thẩm định.

3. Phối hợp với Sở Tài chính kiểm tra yếu tố hình thành giá hàng hoá, dịch vụ thuộc thẩm quyền định giá của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và hàng hoá, dịch vụ thực hiện bình ổn giá của tổ chức cá nhân sản xuất, kinh doanh trên địa bàn tỉnh.

4. Tham gia đóng góp ý kiến các phương án giá tài sản, hàng hoá, dịch vụ (thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh) theo đề nghị của các đơn vị sản xuất, kinh doanh thuộc lĩnh vực chuyên ngành quản lý, gửi Sở Tài chính thẩm định bằng văn bản trước khi trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

5. Tổ chức thanh tra, kiểm tra giá trong phạm vi ngành phụ trách theo quy định của pháp luật, tham gia đoàn thanh tra, kiểm tra giá theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 12. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị trong việc hướng dẫn, lập, trình, thẩm định, phê duyệt phương án giá tài sản, hàng hoá, dịch vụ

1. Bảng giá đất định kỳ 05 năm:

Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì phối hợp với các cơ quan có liên quan và Ủy ban nhân dân huyện, thành phố xây dựng, tổng hợp bảng giá đất định kỳ 05 năm gửi Hội đồng thẩm định giá đất của tỉnh thẩm định, báo cáo UBND tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua trước khi quyết định.

2. Đơn giá đo đạc địa chính, đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, lập hồ sơ địa chính, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất; đơn giá xây dựng cơ sở dữ liệu địa chính; đơn giá thống kê, kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất; đơn giá lập và điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất:

Sở Tài nguyên và Môi trường lập và trình UBND tỉnh quyết định sau khi có ý kiến thẩm định bằng văn bản của Sở Tài chính.

3. Giá rừng bao gồm rừng sản xuất, rừng phòng hộ và rừng đặc dụng thuộc sở hữu toàn dân do Nhà nước làm đại diện chủ sở hữu:

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì phối hợp với các ngành, các đơn vị liên quan lập phương án giá rừng sản xuất, rừng phòng hộ và rừng đặc dụng trình UBND tỉnh quyết định sau khi có ý kiến thẩm định của Sở Tài chính.

4. Giá cây trồng, vật nuôi trên đất (bao gồm cả nuôi trồng thủy sản) để tính bồi thường hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất:

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì phối hợp với các cơ quan có liên quan xây dựng Bảng đơn giá bồi thường cây trồng, vật nuôi (bao gồm cả nuôi



trồng thủy sản) cây lâu năm trình UBND tỉnh quyết định sau khi có ý kiến thẩm định bằng văn bản của Sở Tài chính.

5. Giá thuyền, giá máy móc thiết bị khác để tính lệ phí trước bạ:

Cục Thuế phối hợp với Sở Tài chính xây dựng Bảng giá tính lệ phí trước bạ theo quy định.

6. Đơn giá xây dựng mới nhà, công trình và vật kiến trúc áp dụng trong công tác bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất:

Sở Xây dựng chủ trì phối hợp với các cơ quan liên quan, lập phương án giá trình UBND tỉnh quyết định sau khi có ý kiến thẩm định bằng văn bản của Sở Tài chính.

7. Giá bán hoặc cho thuê nhà ở thuộc sở hữu nhà nước; giá bán hoặc giá cho thuê nhà ở thuộc sở hữu nhà nước cho các đối tượng theo quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất, đối tượng chính sách; giá cho thuê, thuê mua nhà ở xã hội; giá cho nhà ở công vụ:

Sở Xây dựng chủ trì lập phương án giá, trình UBND tỉnh quyết định sau khi có ý kiến của các cơ quan liên quan và ý kiến thẩm định bằng văn bản của Sở Tài chính.

8. Hệ thống giá xây dựng công trình, giá nhân công, giá ca máy và thiết bị thi công phổ biến làm cơ sở tham khảo trong việc lập và quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình:

Sở Xây dựng lập trình UBND tỉnh quyết định sau khi có ý kiến tham gia của các cơ quan liên quan và ý kiến thẩm định bằng văn bản của Sở Tài chính.

9. Giá Báo Lạng Sơn; Công báo Lạng Sơn; Tạp chí Xứ Lạng.

Các cơ quan: Báo Lạng Sơn, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, tạp chí Xứ Lạng lập phương án giá, trình Chủ tịch UBND tỉnh quyết định sau khi có ý kiến thẩm định bằng văn bản của Sở Tài chính.

10. Giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước thuộc phạm vi quản lý của địa phương.

Sở Y tế chủ trì lập hồ sơ phương án giá và trình UBND tỉnh quyết định sau khi có ý kiến bằng văn bản của Sở Tài chính.

11. Giá cước vận chuyển hàng hoá bằng ô tô làm căn cứ để phục vụ các mục đích sau:

a) Thanh toán chi ngân sách Nhà nước trong việc thực hiện các dịch vụ công ích theo đơn đặt hàng của Nhà nước;

b) Xác định giá để xây dựng kế hoạch đấu thầu khi thực hiện cơ chế đấu thầu cung ứng các dịch vụ công ích.

Sở Giao thông vận tải chủ trì xây dựng, điều chỉnh phương án giá cước vận chuyển hàng hoá bằng ô tô trên địa bàn tỉnh gửi Sở Tài chính thẩm định trình UBND tỉnh quyết định.

12. Mức thu phí và lệ phí:

Cơ quan được giao nhiệm vụ tổ chức thu phí và lệ phí hoặc cơ quan quản lý nghiệp vụ cấp trên chủ trì lập phương án mức thu và tỷ lệ phần trăm (%) được trích để lại cho cơ quan tổ chức thu phí lệ phí gửi Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các cơ quan chức năng liên quan thẩm định trình UBND tỉnh, trình HĐND tỉnh Nghị quyết; UBND tỉnh ban hành Quyết định thực hiện.

Điều 13. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố

1. Tổ chức, chỉ đạo triển khai các chủ trương, chính sách và các quyết định về giá của cấp có thẩm quyền trên địa bàn huyện, thành phố để mọi tổ chức, cá nhân thực hiện theo quy định.

2. Tổng hợp báo cáo thông tin giá cả thị trường hàng hoá, dịch vụ trên địa bàn huyện, thành phố theo quy định của UBND tỉnh và Sở Tài chính.

3. Lập Hồ sơ phương án giá hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh gửi Sở Tài chính thẩm định trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

4. Tổ chức điều tra khảo sát xây dựng hệ số điều chỉnh giá đất, mức tỷ lệ (%) gửi Sở Tài chính thẩm định trình Ủy ban nhân dân tỉnh *ban hành*.

5. Tiếp nhận các văn bản thông báo đăng ký giá, kê khai giá theo quy định tại điểm c, khoản 2 Điều 7; điểm c, khoản 3 Điều 8 của Quy định này.

6. Tổ chức các cuộc kiểm tra, thanh tra Nhà nước về giá và xử lý các vi phạm pháp luật về giá theo quy định hiện hành.

7. Thẩm quyền của Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố:

a) Quyết định giá trị thanh lý, nhượng bán, điều chuyển, cho thuê, đi thuê tài sản thuộc cơ quan, đơn vị do cấp huyện, thành phố quản lý, sử dụng tài sản nhà nước theo Luật Quản lý, sử dụng tài sản Nhà nước, các văn bản dưới Luật quy định hiện hành và phân cấp thực hiện của tỉnh.

b) Quyết định giá thu tiền sử dụng nước công trình cấp nước nông thôn tập trung do Ủy ban nhân dân các xã trình.

c) Thực hiện thẩm định giá tài sản nhà nước; thành lập Hội đồng thẩm định giá tài sản để thẩm định giá tài sản theo quy định phân cấp quản lý, sử dụng tài sản nhà nước, phân cấp quản lý ngân sách Nhà nước.

d) Định giá tài sản thuộc đối tượng được xác lập quyền sở hữu Nhà nước theo quy định.

đ) Quyết định kiểm tra, thanh tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về giá và các quy định khác của pháp luật có liên quan tại địa phương; giải quyết khiếu nại tố cáo và xử lý vi phạm pháp luật về giá theo thẩm quyền.

e) Ủy ban nhân dân huyện, thành phố giao cho phòng Tài chính - Kế hoạch và các phòng ban có liên quan chịu trách nhiệm giúp Ủy ban nhân dân huyện, thành phố thực hiện việc quản lý Nhà nước về giá trên địa bàn theo quy định.

Điều 14. Quyền, nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh và người tiêu dùng trong lĩnh vực giá

1. Quyền của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh:

a) Tự định giá hàng hóa, dịch vụ do mình sản xuất, kinh doanh, trừ hàng hóa, dịch vụ thuộc Danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá.

b) Quyết định giá mua, giá bán hàng hóa, dịch vụ do mình sản xuất, kinh doanh mà Nhà nước quy định khung giá, giá tối đa, giá tối thiểu.

c) Đấu thầu, đấu giá, thỏa thuận giá, hiệp thương giá và cạnh tranh về giá dưới các hình thức khác theo quy định của pháp luật khi mua, bán hàng hóa, dịch vụ.

d) Áp dụng nguyên tắc, căn cứ, phương pháp định giá do Nhà nước quy định để định giá hàng hóa, dịch vụ.

e) Điều chỉnh giá hàng hóa, dịch vụ do mình sản xuất, kinh doanh phù hợp với biến động của yếu tố hình thành giá.

f) Hạ giá bán hàng hóa, dịch vụ mà không bị coi là vi phạm pháp luật về cạnh tranh và pháp luật chống bán phá giá hàng nhập khẩu, đồng thời phải niêm yết công khai tại nơi giao dịch về mức giá cũ, mức giá mới, thời hạn hạ giá đối với các trường hợp sau:

- Hàng tươi sống.
- Hàng hóa tồn kho.
- Hàng hóa, dịch vụ theo mùa vụ.
- Hàng hóa, dịch vụ để khuyến mại theo quy định của pháp luật.
- Hàng hóa, dịch vụ trong trường hợp doanh nghiệp phá sản, giải thể; thay đổi địa điểm, ngành nghề sản xuất, kinh doanh.
- Hàng hóa, dịch vụ khi thực hiện chính sách bình ổn giá của Nhà nước.

g) Kiến nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền điều chỉnh giá hàng hóa, dịch vụ do mình sản xuất, kinh doanh thuộc Danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá.

h) Tiếp cận thông tin về chính sách giá của Nhà nước; các biện pháp quản lý, điều tiết giá của Nhà nước và các thông tin công khai khác.

i) Khiếu nại, tố cáo hoặc khởi kiện hành vi có dấu hiệu vi phạm pháp luật về giá; yêu cầu tổ chức, cá nhân bồi thường thiệt hại do hành vi vi phạm pháp luật về giá theo quy định của pháp luật.

2. Nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh:

a) Lập phương án giá hàng hóa, dịch vụ do mình sản xuất kinh doanh thuộc Danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá trình cơ quan có thẩm quyền quyết định.

b) Chấp hành quyết định về giá, biện pháp bình ổn giá của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

c) Đăng ký giá bán hoặc giá mua đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc diện phải đăng ký giá và chịu trách nhiệm về tính chính xác của mức giá đã đăng ký theo quy định của pháp luật.

d) Kê khai giá bán hoặc giá mua hàng hóa, dịch vụ và chịu trách nhiệm về tính chính xác của mức giá đã kê khai đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc diện phải kê khai giá theo quy định của Chính phủ.

e) Niêm yết giá:

Đối với hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá thì tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh phải niêm yết đúng giá do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định và mua, bán đúng giá niêm yết;

Đối với hàng hóa, dịch vụ không thuộc Danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá thì niêm yết theo giá do tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh quyết định và không được mua, bán cao hơn giá niêm yết.

f) Công khai thông tin về giá hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền định giá của mình theo quy định của Luật Giá;

g) Cung cấp kịp thời, chính xác, đầy đủ số liệu, tài liệu có liên quan theo yêu cầu bằng văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong trường hợp Nhà nước định giá, áp dụng biện pháp bình ổn đối với hàng hóa, dịch vụ của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh.

h) Giải quyết kịp thời mọi khiếu nại về giá hàng hóa, dịch vụ do mình sản xuất, kinh doanh. Bồi thường thiệt hại do hành vi vi phạm pháp luật về giá theo quy định của pháp luật.

3. Quyền của người tiêu dùng:

a) Lựa chọn, thỏa thuận và góp ý về giá khi mua hàng hóa, dịch vụ.

b) Được cung cấp thông tin chính xác, đầy đủ về giá, chất lượng, xuất xứ của hàng hóa, dịch vụ.

c) Yêu cầu bồi thường thiệt hại khi hàng hóa, dịch vụ đã mua không đúng tiêu chuẩn chất lượng, số lượng, giá hoặc nội dung khác mà tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ đã công bố, niêm yết, cam kết.

d) Kiến nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền điều chỉnh giá hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá khi các yếu tố hình thành giá thay đổi.

e) Khiếu nại, tố cáo, khởi kiện hoặc đề nghị tổ chức xã hội khởi kiện hành vi có dấu hiệu vi phạm pháp luật về giá theo quy định của Luật Giá và quy định khác của pháp luật có liên quan.

4. Nghĩa vụ của người tiêu dùng:

a) Thanh toán theo mức giá thỏa thuận, mức giá đã lựa chọn hoặc mức giá do Nhà nước quy định khi mua hàng hóa, dịch vụ.

b) Thông tin cho cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân liên quan phát hiện hành vi có dấu hiệu vi phạm pháp luật về giá.

Điều 15. Trình tự, thủ tục trong việc lập, trình cơ quan có thẩm quyền thẩm định phương án giá và cơ quan có thẩm quyền quyết định giá:

Thực hiện theo khoản 8 Điều 1 Nghị định số 149/2016/NĐ-CP của Chính phủ.

Điều 16. Thanh tra chuyên ngành về giá

1. Hoạt động thanh tra chuyên ngành về giá thực hiện theo quy định của pháp luật về thanh tra.

2. Thanh tra chuyên ngành giá thực hiện xử lý hành vi vi phạm pháp luật về giá theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính và pháp luật về thanh tra.

3. Thanh tra Sở Tài chính thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành về giá trên phạm vi địa bàn của tỉnh.

Chương 3

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 17. Tổ chức thực hiện

Sở Tài chính có trách nhiệm chủ trì phối hợp với các ngành liên quan hướng dẫn và tổ chức triển khai thực hiện Quyết định này.

Điều 18. Những nội dung khác về quản lý Nhà nước về giá không quy định tại Quyết định này thì thực hiện theo quy định hiện hành của pháp luật.

Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc đề nghị các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Sở Tài chính để nghiên cứu, xem xét, tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh Quyết định điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Phạm Ngọc Thương

